

Số: /KH-UBND

Ba Dinh, ngày tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai rà soát, xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn xã

Căn cứ Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Công văn số 4024/UBND-KGVX ngày 29/10/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026-2030; Công văn số 1227/SDTTG-DT ngày 30/10/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn rà soát, xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 – 2030 tại Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29/9/2025 của Chính phủ;

UBND xã ban hành Kế hoạch triển khai rà soát, xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Để ưu tiên nguồn lực đầu tư, hỗ trợ giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách, rút ngắn khoảng cách phát triển và bảo vệ, bảo tồn, phát triển bền vững các dân tộc thiểu số. Việc xác định dựa trên các tiêu chí khoa học và khách quan như tỷ lệ nghèo đa chiều cao hơn mức bình quân chung, quy mô dân số giảm, nhằm đảm bảo chính sách hỗ trợ được phân bổ hiệu quả và đúng trọng tâm.

- Góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc, đảm bảo thống nhất, đồng bộ và hiệu lực, hiệu quả của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Yêu cầu

Việc rà soát, xác định dân tộc còn gặp nhiều khó khăn đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; đúng nội dung nhiệm vụ tại Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ; Công văn số 4024/UBND-KGVX ngày 29/10/2025 của UBND tỉnh; Công văn số 1227/SDTTG-DT ngày 30/10/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

II. Đối tượng áp dụng

1. Các dân tộc trong phạm vi cả nước.

2. Cơ quan, tổ chức có liên quan.

III. Nguyên tắc

1. Khách quan, chính xác, công khai, minh bạch, bảo đảm đúng thực tiễn.

2. Dựa trên số liệu chính thức, được cập nhật theo thời điểm quy định, có cơ sở pháp lý rõ ràng và được thẩm định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Bảo đảm kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm trong quá trình xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

IV. Nội dung

1. Tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 – 2030

- Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn là dân tộc có tỷ lệ nghèo đa chiều lớn hơn tỷ lệ nghèo đa chiều dân tộc thiểu số chung cả nước.

- Dân tộc có khó khăn đặc thù là dân tộc có dân số trong phạm vi toàn quốc dưới 10.000 người theo dữ liệu quản lý dân cư và đáp ứng ít nhất 01 trong 02 tiêu chí sau:

+ Có tỷ lệ nghèo đa chiều lớn hơn tỷ lệ nghèo đa chiều dân tộc thiểu số chung cả nước;

+ Có dân số trong phạm vi toàn quốc theo dữ liệu quản lý dân cư giảm so với dân số trong phạm vi toàn quốc theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

2. Quy trình xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 – 2030.

Ủy ban nhân dân xã tổ chức rà soát thống kê số liệu về tổng dân số, tổng số hộ, số hộ nghèo, hộ cận nghèo của từng dân tộc tại địa bàn theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ, gửi kết quả gồm 01 hồ sơ điện tử và 01 hồ sơ giấy về Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện. Trong đó:

a. Số liệu rà soát về dân số của từng dân tộc tại địa bàn được thống kê theo dữ liệu quản lý dân cư trong vòng 15 ngày kể từ ngày Nghị định số 255/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (*Nghị định có hiệu lực thi hành ngày 15/11/2025*);

b. Số liệu rà soát tổng số hộ, số hộ nghèo, hộ cận nghèo của từng dân tộc tại địa bàn được thống kê trên kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024.

V. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Chủ động, phối hợp với Công an cùng cấp để thu thập và điền số liệu Tổng dân số theo dữ liệu quản lý dân cư quy định tại **Cột số 3, Mẫu số 01** Nghị định số 255/2025/NĐ-CP, nội dung này cần hoàn thành trước **ngày 20/11/2025** để làm cơ sở rà soát số liệu theo thành phần dân tộc cho các chỉ tiêu còn lại.

- Căn cứ số liệu kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 được cấp thẩm quyền phê duyệt (theo thành phần các dân tộc) để liệt kê vào **Mẫu số 01**, bao

gồm: số liệu kết quả rà soát tại các cột 4, 5, 6, 7 - Mẫu số 01 Nghị định số 255/2025/NĐ-CP: (1) *Tổng số hộ theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (hộ)*; (2) *Tổng số hộ nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (hộ)*; (3) *Tổng số hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (hộ)*; (4) *Tổng số hộ nghèo và cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (hộ)*; hoàn thành toàn bộ hồ sơ gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo trước **ngày 05 tháng 12 năm 2025**.

- Báo cáo kết quả rà soát và gửi Hồ sơ rà soát, xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026-2030 của UBND các xã, phường, đặc khu gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo **trước ngày 05 tháng 12 năm 2025** gồm: 01 bộ hồ sơ điện tử và 01 bộ hồ sơ giấy (bao gồm: (1) *Báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân cấp xã*; (2) *Mẫu số 01 Nghị định số 255/2025/NĐ-CP*; (3) *Quyết định phê duyệt danh sách hộ nghèo, cận nghèo của cấp có thẩm quyền phê duyệt năm 2024 theo thành phần các dân tộc để đối chiếu*).

2. Công an xã: Cung cấp và điền số liệu Tổng dân số theo dữ liệu quản lý dân cư quy định tại **Cột số 3, Mẫu số 01** Nghị định số 255/2025/NĐ-CP, nội dung này cần hoàn thành trước **ngày 20/11/2025** để làm cơ sở rà soát số liệu theo thành phần dân tộc cho các chỉ tiêu còn lại.

3. Phòng Kinh tế xã

- Căn cứ số liệu kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 được cấp thẩm quyền phê duyệt (theo thành phần các dân tộc) để liệt kê vào **Mẫu số 01**, bao gồm: số liệu kết quả rà soát tại các cột 4, 5, 6, 7 - Mẫu số 01 Nghị định số 255/2025/NĐ-CP: (1) *Tổng số hộ theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (hộ)*; (2) *Tổng số hộ nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (hộ)*; (3) *Tổng số hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (hộ)*; (4) *Tổng số hộ nghèo và cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (hộ)*, nội dung này cần hoàn thành trước **ngày 03/12/2025** để làm cơ sở cho phòng Văn hóa – Xã hội tổng hợp báo cáo gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo trước **ngày 05 tháng 12 năm 2025**.

Trên đây là kế hoạch triển khai rà soát, xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn xã./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Dân tộc và Tôn giáo (để b/c);
- TT Đảng ủy; TT HĐND xã;
- Mặt trận TQVN xã;
- CT, PCT UBND xã Phạm Văn Nhung;
- Công an xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT, VHXH_{PTQA}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nhung